|  |  |
| --- | --- |
|  **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BGTVT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

***DỰ THẢO***

***25/8/2023***

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa**

**(thay thế Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ)**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (thay thế Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ) với các nội dung cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Những thay đổi của pháp luật có liên quan trong thời gian qua**

Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (Nghị định số 159/2018/NĐ-CP). Nghị định được xây dựng trên cơ sở tổng kết, đánh giá tình hình tổ chức thực hiện Quyết định số 73/2013/QĐ-TTg ngày 27/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thực hiện cơ chế nạo vét, duy tu các tuyến luồng hàng hải do Bộ GTVT quản lý; Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác, nạo vét kết hợp thu hồi, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông; Quyết định số 47/2015/QĐ-TTg ngày 05/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa.

Nội dung chính quy định tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP bao gồm hoạt động nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng, đường thủy nội địa quốc gia và địa phương sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước); hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý kết hợp thu hồi sản phẩm.

Tiếp theo Nghị định số 159/2018/NĐ-CP, Chính phủ đã ban hành các Nghị định liên quan đến lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa, gồm:

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Theo đó, công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải và đường thủy nội địa quốc gia trước đây là sản phẩm dịch vụ công ích thì nay chuyển thành dịch vụ sự nghiệp công.

- Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông. Tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Nghị định quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì tổ chức đấu giá đối với khối lượng sản phẩm là cát, sỏi lòng sông thu hồi được từ các dự án duy tu, nạo vét luồng thuộc vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa.

Tuy nhiên, Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ quy định đối với các dự án duy tu, nạo vét luồng thuộc vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa thì giá trị sản phẩm tận thu được xác định trên cơ sở khối lượng (trữ lượng) sản phẩm tận thu, giá sản phẩm tận thu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật; không bao gồm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí.

**2. Khó khăn, vướng mắc**

- Tại Điều 6 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP quy định hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển phải lập Phương án bảo đảm an toàn giao thông. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển cũng phải lập Phương án bảo đảm an toàn hàng hải. Qua rà soát các quy định nêu trên cho thấy hồ sơ đề nghị phê duyệt của Phương án bảo đảm an toàn hàng hải và Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển về cơ bản là giống nhau và đều trình Cảng vụ Hàng hải phê duyệt.

- Tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP quy định *“Các dự án nạo vét cơ bản trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa phải được đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”.* Tuy nhiên, một số dự án nạo vét thực hiện đổ chất nạo vét ra biển ngoài việc thực hiện quy định của Luật Bảo vệ môi trường còn phải thực hiện các quy định về lập dự án nhận chìm ở biển, giao khu vực biển theo các quy định tại Luật biển Việt Nam, Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo. Vì vậy, cần sửa đổi quy định này cho phù hợp thực tế.

- Tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP quy định *“Đối với các dự án, công trình nạo vét duy tu với khối lượng thực hiện hàng năm có tính quy luật, việc đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được thực hiện theo thời hạn từng năm hoặc theo chu kỳ đến 05 năm”*. Tuy nhiên, việc hàng năm lập hồ sơ và chi phí để thực hiện các thủ tục về báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường, dự án nhận chìm ở biển, giao khu vực biển chưa phù hợp với thời gian tổ chức nạo vét duy tu cũng như trữ lượng của bãi chứa (có một số công trình phải triển khai trong hai năm). Vì vậy, cần sửa đổi chu kỳ thực hiện các thủ tục trên nhằm giảm chi phí cho ngân sách nhà nước, giảm các thủ tục hành chính cho các dự án, công trình nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ và ngoài biển thuộc phạm vi quản lý trước ngày 30 tháng 01 hàng năm. Tuy nhiên, hiện nay nhiều tỉnh chưa triển khai được quy định trên do đó chủ đầu tư gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm vị trí đổ chất nạo vét.

- Đối với các công trình nạo vét lựa chọn phương án đổ chất nạo vét ở biển, các doanh nghiệp cảng phải thực hiện thủ tục xin chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét ở biển, sau đó thực hiện các thủ tục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập dự án nhận chìm ở biển và giao khu vực biển theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên việc thực hiện các thủ tục trên kéo dài, không phù hợp với các công trình nạo vét duy tu có quy mô nhỏ, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả của của hoạt động duy trì chuẩn tắc thiết kế cũng như kế hoạch sản suất kinh doanh của doanh nghiệp cảng.

- Đối với các công trình nạo vét sử dụng phương án đổ chất nạo vét trên bờ; các doanh nghiệp cảng, các tổ chức cá nhân có bãi chứa chất nạo vét hiện nay còn vướng mắc về nội dung thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với việc sử dụng khối lượng chất nạo vét để san lấp theo quy định về sử dụng tài nguyên, khoáng sản do đó gây khó khăn cho việc thoả thuận tiếp nhận chất nạo vét.

- Đối với công tác nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm phát sinh một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện theo quy định của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP như sau: tại khoản 7, Điều 29 quy định về giá trị sản phẩm thu hồi và phương án thanh toán phần chênh lệch giữa kinh phí nạo vét và giá trị sản phẩm thu hồi, tuy nhiên chưa quy định chi tiết phương pháp xác định và thẩm quyền ban hành giá sản phẩm nạo vét thu hồi và phương án xử lý phần chênh lệch giữa kinh phí nạo vét và giá trị sản phẩm thu hồi; tại Nghị định chưa quy định các khoản chi phí hợp lý liên quan đến thực hiện Dự án như lãi suất vay huy động vốn thực hiện Dự án, tỷ suất lợi nhuận của nhà đầu tư thực hiện Dự án nên không đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của nhà đầu tư và Nhà nước khi thực hiện Dự án (tham khảo Luật PPP thì phương án tài chính của Dự án có các khoản chi phí này); khoản 2 Điều 49 chưa quy định cụ thể các bước thực hiện đối với dự án chuyển tiếp dẫn đến lúng túng, khó khăn trong tổ chức thực hiện đối với các dự án chuyển tiếp. Ngoài ra, tại Nghị định chưa có quy định đối với trường hợp nạo vét khu nước trước bến cảng, luồng chuyên dùng có kết hợp thu hồi sản phẩm nên cần bổ sung để quản lý đối với trường hợp này.

Vì vậy, việc ban hành Nghị định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (thay thế Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ) là thực sự cần thiết, cấp bách để khắc phục những khó khăn tồn tại, vướng mắc nêu trên.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích**

- Thống nhất quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động nạo vét duy tu, đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại cảng biển và cảng, bến thủy nội địa;

- Phân định rõ phạm vi, trách nhiệm của các cấp, các ngành và tạo khung pháp lý cơ bản để các cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn, kiểm tra và thực thi đầy đủ các quy định pháp luật về nạo vét, duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước hàng hải và luồng, vùng nước cảng, bến thủy nội địa;

- Phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính: giảm thiểu tối đa các nội dung cần hướng dẫn thực hiện sau khi ban hành Nghị định; trình thự thủ tục rút gọn, nhanh chóng tạo thuận lợi trong thực hiện;

- Nghị định có thể áp dụng đối với mọi hoạt động nạo vét duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước hàng hải và luồng, vùng nước cảng, bến, cảng thủy nội địa.

**2. Quan điểm xây dựng**

Việc xây dựng dự thảo Nghị định có tác động đối với hoạt động quản lý trong lĩnh vực hàng hải. Do đó, việc xây dựng dự thảo Nghị định cần bảo đảm các nguyên tắc dưới đây:

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

- Nội dung dự thảo Nghị định không trái với Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); tránh chồng chéo, trùng lặp, mâu thuẫn với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan thuộc hệ thống pháp luật Việt Nam; đồng thời phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Phù hợp và tuân thủ với các quy định tại Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Các quy định trong các Điều, khoản của dự thảo Nghị định phải rõ ràng, cụ thể, chặt chẽ, dễ hiểu, dễ kiểm tra, đánh giá cho mọi đối tượng áp dụng; đảm bảo tính hợp lý thống nhất giữa các Điều, khoản của dự thảo Nghị định, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính khả thi trong thực hiện.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

- Trên cơ sở quy định tại Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành văn bản số 8025/BGTVT-PC ngày 05/8/2022 giao nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng Nghị định quy định hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa (thay thế Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ).

- Ngày 05/10/2022, Bộ GTVT ban hành văn bản số 10254/BGTVT-KCHT về việc chấp thuận đề cương dự thảo Nghị định quy định hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa.

- Ngày 03/4/2023, Bộ GTVT có văn bản số 3192/BGTVT-KCHT báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà về việc áp dụng quy định của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ trong việc tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nạo vét duy tu luồng hàng hải; đồng thời Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tư pháp cũng đã có các văn bản gửi Văn phòng Chính phủ về việc áp dụng quy định của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ trong việc tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nạo vét duy tu luồng hàng hải (văn bản số 4188/BTC-TCDN ngày 26/4/2023, văn bản số 3333/BKHĐT-PTHTĐT ngày 04/5/2023, văn bản số 1732/BTP-PLDSKT ngày 04/5/2023).

- Ngày 04/4/2023, Bộ GTVT gửi Chính phủ Tờ trình số 3226/TTr-BGTVT đề nghị xây dựng Nghị định quy định hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa (thay thế Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ) và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận xây dựng tại văn bản số 425/TTg-CN ngày 17/5/2023.

- Trên cơ sở ý kiến chấp thuận xây dựng Nghị định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT đã có văn bản số 3901/BGTVT-KCHT ngày 18/4/2023 yêu cầu Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì, phối hợp Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp tục rà soát, thống nhất trình dự thảo Nghị định quy định hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa.

- Ngày 09/8/2023, Bộ GTVT đã ban hành thông báo kết luận số 254/TB-BGTVT tại cuộc họp về dự thảo Nghị định quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Bộ GTVT đã tổng hợp, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị định. Trong suốt quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Giao thông vận tải luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời tiến hành rà soát, đối chiếu nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp, mâu thuẫn với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị định bao gồm 06 Chương, 52 Điều, cụ thể như sau:

***Chương I. Quy định chung.***

Bao gồm 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3) quy định về:

- Phạm vi điều chỉnh;

- Đối tượng áp dụng;

- Giải thích từ ngữ.

***Chương II. Quy định chung về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa.***

Bao gồm 06 điều (từ Điều 4 đến Điều 9) quy định về:

- Nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm quản lý đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và công trình giao thông đường thủy; những quy định chung tại khu vực nạo vét mà hoạt động nạo vét phải chấp hành;

- Công tác giám sát quá trình thực hiện hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, luồng, vùng nước cảng, bến thủy nội địa; giám sát công tác đổ vật liệu nạo vét.

***Chương III. Nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa từ nguồn ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.***

Bao gồm 13 điều (từ Điều 10 đến Điều 22) quy định về:

- Những đặc thù đối với hoạt động nạo vét duy tu từ nguồn ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý (như rút gọn thủ tục, quy định hình thức thực hiện phù hợp,...);

- Việc lập kế hoạch, dự toán; tổ chức thực hiện;

- Công tác thi công, kiểm tra, giám sát và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình;

- Nội dung và trách nhiệm quản lý đối với hoạt động nạo vét duy tu từ nguồn ngân sách nhà nước do Bộ GTVT quản lý và luồng đường thủy nội địa từ nguồn ngân sách nhà nước.

***Chương IV. Nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý kết hợp thu hồi sản phẩm.***

Bao gồm 22 điều (từ Điều 23 đến Điều 44) quy định về:

- Việc lập danh mục dự án, trình tự thực hiện dự án;

- Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án;

- Việc lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi;

- Việc lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng;

- Tổ chức thực hiện dự án, kiểm tra, giám sát chất lượng công trình và việc thực hiện hợp đồng dự án;

- Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng dự án;

- Nội dung và trách nhiệm quản lý đối với hoạt động nạo vét luồng hàng hải công cộng, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển và luồng đường thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm không sử dụng ngân sách nhà nước**.**

***Chương V. Trách nhiệm quản lý nhà nước.***

Bao gồm 05 điều (Từ Điều 45 đến Điều 49) quy định về:

- Trách nhiệm của các Bộ Giao thông vận tải, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng;

- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

***Chương VI. Điều khoản thi hành.***

Bao gồm 03 điều (Từ Điều 50 đến Điều 52) quy định về:

- Hiệu lực thi hành;

- Quy định chuyển tiếp;

- Tổ chức thực hiện.

**2. Nội dung cơ bản của Nghị định**

Dự thảo Nghị định tập trung vào các nội dung chính về môi trường, an toàn giao thông hàng hải, phương án phân công tổ chức thực hiện công tác nạo vét duy tu sử dụng nguồn ngân sách nhà nước do Bộ GTVT quản lý, hoạt động nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, cụ thể:

***2.1. Về công tác môi trường***

Tổng hợp các vướng mắc và đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung theo hướng tháo gỡ các khó khăn về thủ tục môi trường đối với hoạt động nạo vét, nạo vét duy tu như sau:

- Quy định rõ hơn về công tác nhận chìm ở biển và giao khu vực biển đối với một số dự án nạo vét thực hiện đổ chất nạo vét ra ngoài biển cho phù hợp thực tế;

- Rà soát, điều chỉnh chu kỳ thực hiện các thủ tục về môi trường, nhận chìm và giao khu vực biển đối với các dự án, công trình nạo vét duy tu thực hiện hàng năm có tính quy luật để giảm thiểu thủ tục hành chính và tiết kiệm chi phí, thời gian trong quá trình triển khai thực hiện;

- Quy định cụ thể về trình tự thực hiện và trách nhiệm của địa phương trong việc công bố địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ và ngoài biển thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

- Quy định rõ ràng hơn việc quản lý và tận dụng chất nạo vét trên bờ.

***2.2. Về công tác an toàn giao thông hàng hải***

Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP để phù hợp với quy trình, trình tự, thủ tục theo quy định về thủ tục hành chính và thực tế tiếp nhận xử lý của cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

***2.3. Về phương án phân công tổ chức thực hiện đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa quốc gia sử dụng nguồn ngân sách nhà nước do Bộ GTVT quản lý***

Cơ sở đề xuất các phương án dựa trên bản chất của hoạt động nạo vét luồng và tính chất đặc thù như sau:

(1) Về bản chất của hoạt động nạo vét luồng:

- Hoạt động nạo vét thi công công trình gồm nạo vét cơ bản và nạo vét duy tu tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ: Nạo vét cơ bản là hoạt động nạo vét được thực hiện lần đầu tiên nhằm tạo ra một khu nước, vùng nước mới đáp ứng nhu cầu khai thác sử dụng hoặc hạ độ sâu, mở rộng phạm vi của khu nước, vùng nước hiện có; Nạo vét duy tu là hoạt động nạo vét được thực hiện nhằm duy trì độ sâu, phạm vi của một khu nước, vùng nước đã được thiết lập thông qua hoạt động nạo vét cơ bản.

- Công trình xây dựng theo điểm c khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14: Công trình xây dựng là sản phẩm được xây dựng theo thiết kế, tạo thành bởi sức lao động của con người, vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, được liên kết định vị với đất, có thể bao gồm phần dưới mặt đất, phần trên mặt đất, phần dưới mặt nước và phần trên mặt nước.

- Theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng: Luồng hàng hải (1.4.5.3) thuộc công trình hàng hải (1.4.5) thuộc công trình giao thông (bảng 1.4 Phân cấp công trình phục vụ giao thông vận tải) tại Phụ lục I (Phân cấp công trình xây dựng theo mức độ quan trọng hoặc quy mô công suất) ban hành kèm theo Thông tư.

- Công tác lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đang được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định pháp luật về xây dựng.

Như vậy, bản chất của hoạt động nạo vét luồng là công trình xây dựng.

(2) Đặc thù trong công tác nạo vét:

Công tác nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải là công tác đòi hỏi tính kịp thời để đảm bảo cho các phương tiện thủy hành hải an toàn ra vào các cảng biển. Công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải là công việc mang tính chất định kỳ hàng năm, có đặc thù là phạm vi, khu vực thi công chủ yếu ở hạ lưu sông, cửa sông, cửa biển, thường xuyên chịu ảnh hưởng của điều kiện thời tiết, thủy hải văn, gió bão, mưa lũ nên chỉ có thể thực hiện thi công hiệu quả trong khoảng thời gian nhất định trong năm.

Trong những năm trước đây khi chưa có các quy định cụ thể về trình tự thủ tục, phân cấp ủy quyền rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện, thiếu các quy định kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong quá trình tổ chức thi công nạo vét dẫn tới thủ tục kéo dài, không rõ ràng, sau khi hoàn thành thủ tục thường vào cuối năm nên thi công không thuận lợi, hiệu quả đạt được chưa cao. Chính vì vậy, công tác này cần phải khẩn trương đẩy nhanh các bước chuẩn bị đầu tư, tranh thủ điều kiện thuận lợi của thời tiết để triển khai thi công.

Từ các lý do nêu trên, hoạt động nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước áp dụng theo quy định pháp luật về xây dựng và để phù hợp với đặc thù của hoạt động này, Chính phủ ban hành Nghị định quy định hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa. Bộ GTVT đề xuất, phân tích một số phương án phân công tổ chức thực hiện như sau:

*2.3.1. Phương án 1:*

Giữ nguyên phân công tổ chức thực hiện đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ GTVT quản lý theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP.

a. Ưu điểm:

Về cơ bản, công tác quản lý hoạt động nạo vét thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP đã đạt được những mục tiêu đề ra, quá trình triển khai thực hiện được rút gọn, thủ tục thuận lợi, nhanh chóng và hiệu quả. Trình tự thủ tục thực hiện công tác nạo vét, duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng, các khu nước hàng hải được thực hiện đúng quy định, có sự phân công rõ ràng và phối hợp chặt chẽ của các đơn vị; công tác kiểm tra, giám sát thi công nạo vét, cơ chế giám sát được quy định cụ thể, chặt chẽ và áp dụng hệ thống giám sát nạo vét sử dụng thiết bị công nghệ thông tin. Công tác phối hợp, quản lý của các cơ quan nhà nước được tăng cường, hạn chế tiêu cực, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

b. Hạn chế:

- Qua ý kiến của một số cơ quan sau khi tiến hành công tác kiểm tra, kiểm toán công tác nạo vét duy tu có nêu: việc thực hiện ký hợp đồng đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công với các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải của Bộ GTVT đối với một số nội dung công việc mà các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải của Bộ Giao thông vận tải không có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

- Cùng một tính chất công việc là bảo trì nạo vét luồng nhưng phương thức, phân công tổ chức thực hiện lại khác nhau giữa lĩnh vực hàng hải (Đấu thầu và đặt hàng) và đường thủy nội địa (Đấu thầu).

*2.3.2. Phương án 2:*

Bộ GTV thực hiện thẩm quyền người quyết định đầu tư; Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện thẩm quyền của chủ đầu tư và một số nhiệm vụ của người quyết định đầu tư. Chủ đầu tư tổ chức đấu thầu toàn bộ, bao gồm cả công tác quản lý dự án. Đơn vị quản lý dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các công việc, nhiệm vụ được giao thực hiện thông qua hợp đồng quản lý dự án.

a. Ưu điểm:

- Phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 *“Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này thực hiện phương thức đặt hàng, nhưng vẫn khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu”*.

- Hình thức quản lý dự án công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng áp dụng hình thức “Tổ chức tư vấn quản lý dự án” theo điểm d khoản 1 Điều 62 được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. Phương án này tuân thủ theo quy định pháp luật về xây dựng (người quyết định đầu tư, chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án); Phù hợp với hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định tại pháp luật về xây dựng.

- Đảm bảo tính đồng bộ phương thức, phân công tổ chức thực hiện trong công tác bảo trì nạo vét luồng giữa lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa.

b. Hạn chế:

- Công tác lựa chọn tư vấn quản lý dự án thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu nên sẽ mất nhiều thời gian trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư; điều này dẫn đến khả năng không tranh thủ được điều kiện thuận lợi của thời tiết vào thời điểm phù hợp để triển khai công tác thi công nạo vét;

- Có khả năng không sử dụng được năng lực kinh nghiệm, tổ chức, bộ máy và nhân sự của các Ban quản lý dự án chuyên ngành (hàng hải, đường thủy) của Bộ Giao thông vận tải và hai Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, miền Nam để thực hiện tư vấn quản lý dự án khi các đơn vị này không trúng thầu.

- Các Ban quản lý dự án chuyên ngành (hàng hải, đường thủy) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ GTVT nên không bảo đảm tính cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

*2.3.3. Phương án 3:*

Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện thẩm quyền của chủ đầu tư và được ủy quyền thực hiện thẩm quyền người quyết định đầu tư. Bộ GTVT giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, Ban quản lý dự án chuyên ngành (hàng hải, đường thủy) của Bộ GTVT trên cơ sở đề xuất của Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia) hoặc chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc hoặc lựa chọn nhà thầu tư vấn theo quy định để thực hiện quản lý dự án.

Bộ GTVT hướng dẫn chi tiết việc giao nhiệm vụ cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, Ban quản lý dự án chuyên ngành (hàng hải, đường thủy) của Bộ GTVT. Đại diện chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các công việc, nhiệm vụ được giao thực hiện.

a. Ưu điểm:

- Kế thừa và phát triển cơ chế đặc thù đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 73/2013/QĐ-TTg ngày 27/11/2013 về việc thí điểm thực hiện cơ chế nạo vét, duy tu các tuyến luồng hàng hải do Bộ GTVT quản lý; thực hiện theo hình thức phù hợp và thủ tục rút gọn, tạo thuận lợi, nhanh chóng và hiệu quả trong thực hiện công tác nạo vét, duy tu luồng hàng hải đáp ứng yêu cầu cấp thiết của việc vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu trong phạm vi cả nước;

- Hình thức quản lý dự án công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, đường thủy nội địa quốc gia áp dụng hình thức “Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành” theo điểm a khoản 1 Điều 62 được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. Theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Xây dựng: *“Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nhà nước quyết định thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực để quản lý một số dự án thuộc cùng chuyên ngành, tuyến công trình hoặc trên cùng một địa bàn”*. Như vậy, hiện nay Bộ GTVT có các Ban quản lý dự án chuyên ngành (hàng hải, đường thủy); hai Tổng công ty BĐATHH miền Bắc, miền Nam là hai Tổng công ty nhà nước có ngành nghề quản lý dự án và cũng có các Ban quản lý dự án chuyên ngành được thành lập. Vì vậy, phương án này tuân thủ theo quy định pháp luật về xây dựng (người quyết định đầu tư, chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án); Phù hợp với hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định tại pháp luật về xây dựng và đặc thù của hoạt động nạo vét.

- Đảm bảo tính đồng bộ về phương thức, phân công tổ chức thực hiện trong công tác nạo vét duy tu luồng giữa lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa.

- Đối với công tác nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải: Bổ sung Ban quản lý dự án chuyên ngành (hàng hải, đường thủy) của Bộ GTVT ký Hợp đồng quản lý dự án với Cục Hàng hải Việt Nam. Tận dụng được năng lực, kinh nghiệm, nhân sự của các Ban quản lý dự án, tạo thêm công ăn việc làm cho đơn vị đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh bao gồm các Ban quản lý dự án chuyên ngành (hàng hải, đường thủy) và Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải và chất lượng thực hiện các dự án, công trình nạo vét duy tu các tuyến luồng;

- Đối với công tác nạo vét duy tu các tuyến luồng đường thủy nội địa quốc gia: Điều chỉnh, bổ sung Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, Ban quản lý dự án chuyên ngành (hàng hải, đường thủy) của Bộ GTVT (thay cho Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực) ký Hợp đồng quản lý dự án với Cục Đường thủy nội địa Việt Nam để giải quyết các khó khăn, vướng mắc thực tế thực hiện như ý kiến của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

b. Hạn chế:Không có

*2.3.4. Phương án 4:*

Bộ GTVT giao các Ban quản lý dự án chuyên ngành trực thuộc Bộ GTVT làm Chủ đầu tư các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia.

a. Ưu điểm:

Thống nhất trong phân công tổ chức thực hiện với Bộ GTVT là cấp quyết định đầu tư, các Ban quản lý dự án chuyên ngành trực thuộc Bộ GTVT làm Chủ đầu tư.

b. Hạn chế:

\*) Về quyền quản lý, quyền sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, đường thủy nội địa là luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia.

- Theo Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì tài sản kết cấu hạ tầng là tài sản công; Theo khoản 1 Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì mọi tài sản công đều phải được Nhà nước giao quyền quản lý, quyền sử dụng và các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

- Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là tài sản công, cụ thể là hệ thống luồng hàng hải được giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ GTVT (là Cục Hàng hải Việt Nam) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

- Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa là tài sản công, cụ thể là hệ thống luồng đường thủy nội địa quốc gia được giao cho Cơ quan được giao quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ GTVT thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông đường thủy nội địa (là Cục Đường thủy nội địa Việt Nam) theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

Như vậy, quyền quản lý, quyền sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia theo quy định của pháp luật hiện nay là Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

\*) Về trách nhiệm bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, đường thủy nội địa là luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia.

- Theo khoản 1 Điều 39 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì Cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan, đơn vị quản lý vận hành tài sản công có trách nhiệm thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

- Theo Điều 9, Điều 10 Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ thì cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có trách nhiệm bảo trì tải sản kết cấu hạ tầng hàng hải và có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước về công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật.

- Theo Điều 8, Điều 9 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ thì cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa có trách nhiệm bảo trì tải sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước về công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

Như vậy, trách nhiệm bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, đường thủy nội địa là luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia theo quy định của pháp luật hiện nay là Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

\*) Điều kiện giao các Ban quản lý dự án chuyên ngành trực thuộc Bộ GTVT làm Chủ đầu tư các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia.

Để bảo đảm điều kiện giao các Ban quản lý dự án chuyên ngành trực thuộc Bộ GTVT làm Chủ đầu tư các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia thì cần phải sửa đổi các quy định có liên quan tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 và Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ, trong đó: “Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa là Bộ Giao thông vận tải. Bộ GTVT có trách nhiệm bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, đường thủy nội địa là luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia theo quy định của pháp luật”.

Sau khi Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 và Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ được ban hành, Bộ GTVT giao các Ban quản lý dự án chuyên ngành trực thuộc Bộ GTVT làm Chủ đầu tư các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia. Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hàng hải, đường thủy nội địa để bảo trì luồng hàng hải, đường thủy nội địa sẽ do Bộ GTVT quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

*2.3.5. Đề xuất lựa chọn phương án thực hiện*

Về mặt thực tế thực hiện, kể từ khi Nghị định số 159/2018/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn có hiệu lực thi hành (là bước hoàn thiện hành lang pháp lý quan trọng sau thời gian áp dụng cơ chế thí điểm theo Quyết định số 73/2013/QĐ-TTg ngày 27/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ), công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc ngân sách nhà nước đã được thực hiện cơ bản thuận lợi, phù hợp với đặc thù của công việc, đáp ứng yêu cầu khai thác các tuyến luồng hàng hải công cộng phục vụ phát triển kinh tế của đất nước đồng thời đảm bảo quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, để đảm bảo phù hợp các quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019, Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018, Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ và trên cơ sở các nội dung phân tích nêu trên, Bộ GTVT đề xuất lựa chọn **Phương án 3** để xây dựng nội dung dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:

- Bộ GTVT giao kế hoạch bảo trì, dự toán chi ngân sách nhà nước đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia;

- Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia) thực hiện thẩm quyền của chủ đầu tư và được ủy quyền thực hiện thẩm quyền người quyết định đầu tư (quy định tại các Điều 16 và 17 của Nghị định).

Bộ GTVT giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, Ban quản lý dự án chuyên ngành của Bộ GTVT trên cơ sở đề xuất của Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia) hoặc chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc hoặc lựa chọn nhà thầu tư vấn theo quy định để thực hiện quản lý dự án.

Đại diện chủ đầu tư thực hiện các nội dung công việc quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19, 21 của Nghị định và chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các công việc, nhiệm vụ được giao theo quy định.

***2.4. Về hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm***

Trên cơ sở phân tích các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định số 159/2018/NĐ-CP, Bộ GTVT đã nghiên cứu và đề xuất tại dự thảo một số nội dung sửa đổi như sau:

- Thống nhất một cơ chế thực hiện đối với nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm là Bộ GTVT phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền nhằm phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động quản lý hành chính nhà nước tại trung ương và địa phương; phát huy tính tự chủ, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, nguồn lực của các địa phương trong toàn bộ quá trình thực hiện dự án (từ bước đánh giá sự cần thiết, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để lập dự án tận thu sản phẩm; bước xác định giá trị sản phẩm tận thu, đánh giá tác động môi trường, xã hội, đánh giá an toàn, phòng chống sạt, lở đường bờ đến bước kiểm tra, giám sát cộng đồng trong quá trình thực hiện) từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; việc phân cấp có thể làm giảm bớt các thủ tục hành chính, trong quá trình thực hiện sẽ sát với thực tế tại địa phương và nhu cầu của địa phương.

- Quy định rõ hơn về cách tính giá sản phẩm tận thu và trách nhiệm ban hành giá sản phẩm tận thu để thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện; nguyên tắc thanh toán giá trị phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm tận thu; điều khoản chuyển tiếp của Nghị định.

- Quy định bổ sung các khoản chi phí hợp lý của dự án như lãi suất vay huy động vốn, tỷ suất lợi nhuận của nhà đầu tư để đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của nhà đầu tư và Nhà nước khi thực hiện Dự án; trường hợp nạo vét khu nước trước bến cảng, luồng chuyên dùng có kết hợp thu hồi sản phẩm; trường hợp nhà đầu tư đề xuất bỏ kinh phí và tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhằm kêu gọi, huy động các nguồn lực trong công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

1. Nghị định quy định đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, các cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa để quá trình triển khai, thi hành Nghị định đảm bảo tính khả thi, hiệu lực của pháp luật.

2. Phù hợp với nguồn tài chính được cấp từ ngân sách nhà nước hàng năm cho hoạt động chi thường xuyên để thực hiện việc nạo vét, duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia.

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (thay thế Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ), Bộ Giao thông vận tải kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*Xin gửi kèm theo Hồ sơ dự thảo Nghị định, gồm:*

*1. Dự thảo Nghị định.*

*2. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.*

*3. Báo cáo đánh giá tác động của thủ tục hành chính.*

*4. Bảng so sánh dự thảo Nghị định.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:** - Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp; - Bộ trưởng (để b/c);- Cục Hàng hải Việt Nam; - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;- Lưu: VT, KCHT(12). | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Xuân Sang**  |